TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 148/2024/HNGĐ-ST Ngày: 27/9/2024 *"Ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Quang Năng

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Linh

Bà Trần Thị Trà Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2024/ TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 160/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T năm 1996; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà TĩnhCó đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H năm 1995; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh Hiện đang lao động tại Nhật Bản); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị T1 *bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lê văn H1** hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện ngày 06/01/2017, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C**, tỉnh Hà TĩnhSau một

thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau. Sau đó anh **H2** lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống xa cách nhau lại càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ này nên chị làm đơn đề nghị được ly hôn với anh **Lê văn H3**

Về con chung: quá trình chung sống không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T2 cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Chị Trần Thị T1 bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Lê Văn H3 tại Nhật Bản mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho mẹ đẻ anh là bà Trần Thị L ở thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà TĩnhChị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh H4 mẹ anh.

Bị đơn anh **Lê Văn H5** đang làm việc tại Nhật Bản. Toà án đã tiến hành xác minh tại mẹ đẻ anh là Trần Thị L ở thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnhgọi điện qua tài khoản mạng xã hội với anh **H6** gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung: Anh và chị **Trần Thị Tkết H7** với nhau ngày 06/01/2017, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C**, tỉnh Hà TĩnhSau khi kết hôn thì vợ chồng sống với nhau bình thường, đến năm 2019 thì anh đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống xa cách nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, chị **T3** đơn ly hôn anh đồng ý. Do anh không thể về Việt Nam nên xin được giải quyết vắng mặt. Các văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi về cho bố mẹ anh nhận.

Về con chung: Quá trình sống chung không có con chung

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **Trần Thị L1** ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi và cam kết thông báo lại cho anh **Lê Văn H3**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T4 anh Lê Văn H8

Về con chung: Không có con chung nên miễn xét

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét;

Về án phí: Chị Trần Thị T5 phải tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị T5 (trú tại: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnhkhởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn H3 (Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh anh H đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Theo công văn số 627/PA08-Đ1 ngày 02/7/2024 của Phòng QCông an tỉnh Hthì anh Lê Văn H3 đã xuất cảnh gần nhất ngày 20/5/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 , khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Lê Văn H3 hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Lê Văn H8 Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của anh Lê Văn H3 đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T5 nhưng anh Hđề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H9 án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho anh H trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 14,15,16 tháng 8 năm 2024 về thời gian giải quyết và xét xử vụ án, đồng thời niêm yết tại chính quyền địa phương và gửi các văn bản về cho thân nhân anh H nhưng anh H vắng mặt và không có bất kỳ văn bản nào gửi Tòa án. Do

đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Chị Trần Thị T5 có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị T6 H theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị T4** anh **Lê Văn H3** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị **T4** anh **H10** hợp pháp. Quá trình sống chung chị **T4** anh **H11** ra nhiều mâu thuẫn, không có tình cảm với nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 khi anh **H2** lao động tại Nhật Bản. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **T3** đơn xin ly hôn với anh **Hanh H12** đồng ý ly hôn nên thấy rằng chị **T4** anh **H13** muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Do đó, hai bên có yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị T5** và anh **Lê Văn H3**

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T4 anh Lê Văn H13 có con chung, miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ttự N chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T4 anh Lê Văn H3

2. Về án phí: Chị Trần Thị T5 tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000900 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Trần Thị T5 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng